



Tổng công ty Bảo đảm an toàn  
hàng hải miền Nam  
office@vms-south.vn  
05-08-2020 16:06:31 +07:00

BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI  
TỔNG CÔNG TY BẢO ĐẢM  
AN TOÀN HÀNG HẢI MIỀN NAM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 171/TBHH-TCTBĐATHHMN

Bà Rịa - Vũng Tàu, ngày 05 tháng 8 năm 2020



### THÔNG BÁO HÀNG HẢI

**Thông số kỹ thuật độ sâu khu nước trước bến, vũng quay tàu, khu nước ra  
luồng Bến cảng Thị Nại**

**BDH - 08 - 2020**

Vùng biển: Tỉnh Bình Định.

Tên luồng: Luồng hàng hải Quy Nhơn.

Căn cứ Đơn đề nghị số 113/CV\_CTN ngày 29/7/2020 của Công ty Cổ phần Cảng Thị Nại về việc đề nghị công bố thông báo hàng hải phạm vi và độ sâu khu nước trước bến, vũng quay tàu, khu nước ra luồng Bến cảng Thị Nại; kèm theo bình đồ độ sâu ký hiệu CTN\_2007, bình đồ rà quét chương ngại vật ký hiệu RQ.CTN\_2007, tỷ lệ 1/1000 do Xí nghiệp Khảo sát hàng hải miền Nam đo đạc hoàn thành tháng 7 năm 2020; Báo cáo kết quả khảo sát địa hình số 805/BC-XNKSHHMN; cùng hồ sơ tài liệu liên quan khác và theo đề nghị của Trưởng phòng An toàn hàng hải,

Thừa ủy quyền của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải, Tổng công ty Bảo đảm an toàn hàng hải miền Nam thông báo:

Trong phạm vi khảo sát của khu nước trước bến, vũng quay tàu, khu nước ra luồng Bến cảng Thị Nại được giới hạn bởi các điểm có tọa độ như sau:

1. Khu nước trước bến 30.000 DWT:

| Tên<br>Điểm | Hệ tọa độ VN-2000 |               | Hệ tọa độ WGS-84 |               |
|-------------|-------------------|---------------|------------------|---------------|
|             | Vĩ độ (φ)         | Kinh độ (λ)   | Vĩ độ (φ)        | Kinh độ (λ)   |
| A1          | 13°46'27,0"N      | 109°14'52,9"E | 13°46'23,3"N     | 109°14'59,3"E |
| A2          | 13°46'28,1"N      | 109°14'54,5"E | 13°46'24,4"N     | 109°15'01,0"E |
| A12         | 13°46'23,3"N      | 109°14'57,8"E | 13°46'19,6"N     | 109°15'04,2"E |
| A10         | 13°46'22,3"N      | 109°14'56,1"E | 13°46'18,5"N     | 109°15'02,6"E |

- Độ sâu tính bằng mét tính đến mực nước số "0" Hải đồ đạt 7,4m trở lên.

2. Khu nước ra luồng bến 30.000 DWT:

| Tên<br>Điểm | Hệ tọa độ VN-2000 |               | Hệ tọa độ WGS-84 |               |
|-------------|-------------------|---------------|------------------|---------------|
|             | Vĩ độ (φ)         | Kinh độ (λ)   | Vĩ độ (φ)        | Kinh độ (λ)   |
| A2          | 13°46'28,1"N      | 109°14'54,5"E | 13°46'24,4"N     | 109°15'01,0"E |
| A3          | 13°46'32,3"N      | 109°15'01,0"E | 13°46'28,6"N     | 109°15'07,5"E |
| A4          | 13°46'30,9"N      | 109°15'03,0"E | 13°46'27,2"N     | 109°15'09,5"E |

(1) Tổ chức cung cấp số liệu, thông tin phục vụ việc công bố thông báo hàng hải chịu trách nhiệm trước pháp luật về sự chính xác của số liệu, thông tin mình cung cấp theo khoản 3, điều 47, Nghị định số 58/2017/NĐ-CP.

|     |              |               |              |               |
|-----|--------------|---------------|--------------|---------------|
| A5  | 13°46'27,9"N | 109°15'04,7"E | 13°46'24,1"N | 109°15'11,2"E |
| A12 | 13°46'23,3"N | 109°14'57,8"E | 13°46'19,6"N | 109°15'04,2"E |

- Độ sâu tính bằng mét tính đến mực nước số "0" Hải đồ đạt 7,0m trở lên.

3. Khu nước trước bến 5.000 DWT:

| Tên Điểm | Hệ tọa độ VN-2000 |               | Hệ tọa độ WGS-84 |               |
|----------|-------------------|---------------|------------------|---------------|
|          | Vĩ độ (φ)         | Kinh độ (λ)   | Vĩ độ (φ)        | Kinh độ (λ)   |
| A8       | 13°46'19,0"N      | 109°14'59,9"E | 13°46'15,2"N     | 109°15'06,4"E |
| A9       | 13°46'18,9"N      | 109°14'58,4"E | 13°46'15,2"N     | 109°15'04,9"E |
| A10      | 13°46'22,3"N      | 109°14'56,1"E | 13°46'18,5"N     | 109°15'02,6"E |
| A11      | 13°46'23,0"N      | 109°14'57,2"E | 13°46'19,3"N     | 109°15'03,7"E |

- Độ sâu tính bằng mét tính đến mực nước số "0" Hải đồ đạt 7,4m trở lên.

4. Khu nước ra luồng bến 5.000 DWT:

| Tên Điểm | Hệ tọa độ VN-2000 |               | Hệ tọa độ WGS-84 |               |
|----------|-------------------|---------------|------------------|---------------|
|          | Vĩ độ (φ)         | Kinh độ (λ)   | Vĩ độ (φ)        | Kinh độ (λ)   |
| A5       | 13°46'27,9"N      | 109°15'04,7"E | 13°46'24,1"N     | 109°15'11,2"E |
| A6       | 13°46'25,1"N      | 109°15'06,2"E | 13°46'21,4"N     | 109°15'12,7"E |
| A7       | 13°46'19,5"N      | 109°15'08,1"E | 13°46'15,8"N     | 109°15'14,5"E |
| A8       | 13°46'19,0"N      | 109°14'59,9"E | 13°46'15,2"N     | 109°15'06,4"E |
| A11      | 13°46'23,0"N      | 109°14'57,2"E | 13°46'19,3"N     | 109°15'03,7"E |

- Độ sâu tính bằng mét tính đến mực nước số "0" Hải đồ đạt 6,9m trở lên.

5. Vũng quay tàu tâm O đường kính 210m:

| Tên Điểm | Hệ tọa độ VN-2000 |               | Hệ tọa độ WGS-84 |               |
|----------|-------------------|---------------|------------------|---------------|
|          | Vĩ độ (φ)         | Kinh độ (λ)   | Vĩ độ (φ)        | Kinh độ (λ)   |
| O        | 13°46'26,2"N      | 109°14'57,5"E | 13°46'22,5"N     | 109°15'04,0"E |

- Độ sâu tính bằng mét tính đến mực nước số "0" Hải đồ đạt 6,9m trở lên.

6. Trong phạm vi khảo sát, rà quét chương ngại vật trước khu nước trước bến, vũng quay tàu, khu nước ra luồng Bến cảng Thị Nại được giới hạn bởi các điểm tọa độ nêu trên, không phát hiện chương ngại vật nguy hiểm.

- Để biết thêm thông tin chi tiết liên hệ với Công ty Cổ phần Cảng Thị Nại<sup>(1)</sup>.

Nơi nhận:

- Cục Hàng hải Việt Nam;
- Cảng vụ Hàng hải Quy Nhơn;
- Công ty Thông tin điện tử Hàng hải;
- Lãnh đạo Tổng công ty BĐATHH miền Nam;
- Website [www.vms-south.vn](http://www.vms-south.vn);
- Phòng KTKH, KT, HTQT&QLHT;
- Lưu VT, P.ATHH<sup>Nhiên</sup>.

KT. TỔNG GIÁM ĐỐC  
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC

TỔNG  
CÔNG TY BẢO ĐẢM  
AN TOÀN HÀNG HẢI  
MIỀN NAM

TP. VŨNG TÀU, BÀ RỊA VŨNG GIÀU

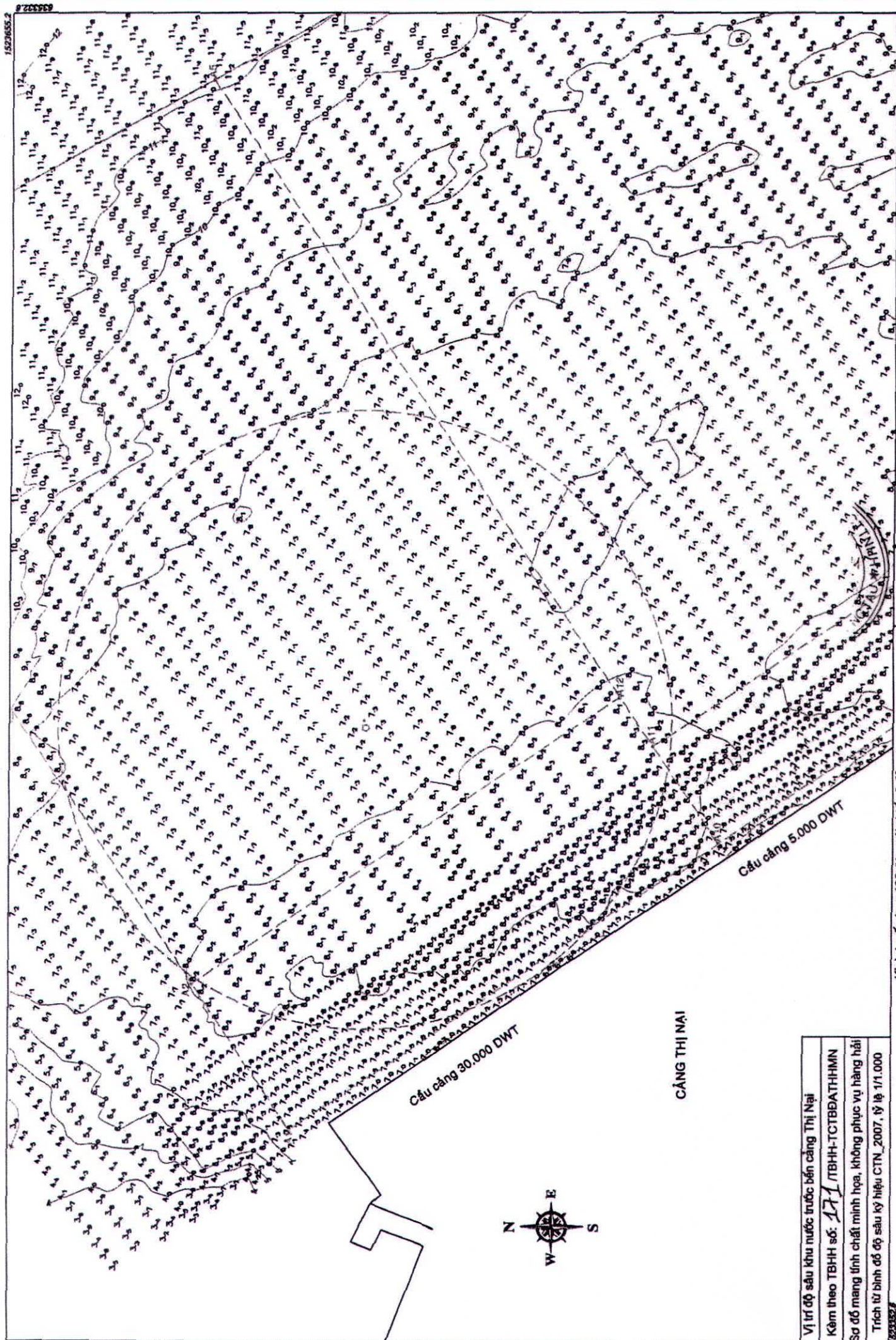
Phan Đức Thi

(1) Tổ chức cung cấp số liệu, thông tin phục vụ việc công bố thông báo hàng hải chịu trách nhiệm trước pháp luật về sự chính xác của số liệu, thông tin minh cung cấp theo khoản 3, điều 47, Nghị định số 58/2017/NĐ-CP.

### Danh sách nơi nhận kèm theo

- |   |                                                            |    |                                                      |
|---|------------------------------------------------------------|----|------------------------------------------------------|
| 1 | Bộ Tư lệnh Hải quân                                        | 10 | Đài thông tin Duyên hải Quy Nhơn                     |
| 2 | Cục Đường thủy nội địa Việt Nam                            | 11 | Công ty Vận tải biển VN (VOSCO)                      |
| 3 | Chi Cục Đường thủy nội địa phía Nam                        | 12 | Bộ đội biên phòng tỉnh Bình Định                     |
| 4 | Cục Cảnh sát biển                                          | 13 | Công ty Vận tải biển III (VINASHIP)                  |
| 5 | Tập đoàn Dầu khí Việt Nam                                  | 14 | Cty Vận tải và thuê tàu biển VN (Vitranchart)        |
|   | - XNLD Dầu khí Vietsovpetro (VSP)                          | 15 | Cty Vận tải xăng dầu đường biển                      |
|   | - Tổng Cty Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí (PTSC)                 | 16 | Cty Vận tải Thủy Bắc                                 |
|   | - Tổng Cty Thăm dò khai thác Dầu khí (PVEP)                | 17 | Cty VT và cung ứng xăng dầu đường thủy I             |
|   | - Tổng Cty Vận tải Dầu khí (PVTrans)                       | 18 | Cty Vận tải biển Sài Gòn                             |
|   | - Cty CP Vận tải SP Khí quốc tế (Gas shipping)             | 19 | Trường Cao đẳng nghề Hàng hải TP.HCM                 |
|   | - Trung tâm ứng phó sự cố tràn dầu KV miền Nam             | 20 | Trường Đại học GTVT TP.HCM                           |
| 6 | Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam                                 | 21 | Cty Bảo đảm an toàn hàng hải Nam Trung Bộ            |
| 7 | Tổng Cty Hàng hải Việt Nam                                 | 22 | XN Khảo sát hàng hải miền Nam                        |
|   | - Cty Vận tải Biển Đông (BISCO)                            | 23 | XN Tàu dịch vụ dầu khí                               |
|   | - Cty Vận tải biển Container Vinalines (VCSC)              | 24 | XN Liên doanh dầu khí Việt Xô                        |
|   | - Cty Vận tải biển Vinalines (VLC)                         | 25 | Chi nhánh I Công ty Cổ phần Trục vớt cứu hộ Việt Nam |
|   | - Cty CP Hàng hải Đông Đo (Dong Do MARINE)                 | 26 | Công ty Phương Nam – Bộ Quốc Phòng                   |
|   | - Cty CP Vận tải biển & Hợp tác LĐ Quốc tế (INLACO SAIGON) | 27 | Cty TNHH MTV Hoa tiêu hàng hải KV VII                |
|   | - Công ty CP hàng hải Vinalines Nha Trang                  | 28 | Sở GTVT & Sở NN&PTNN tỉnh Bình Định                  |
| 8 | Đại lý Hàng hải Sài Gòn (Vosa Sài Gòn)                     | 29 | Công ty Cổ phần Cảng Thị Nại                         |
| 9 | Đài tiếng nói nhân dân Tp.Hồ Chí Minh                      |    |                                                      |

(1) Tổ chức cung cấp số liệu, thông tin phục vụ việc công bố thông báo hàng hải chịu trách nhiệm trước pháp luật về sự chính xác của số liệu, thông tin mình cung cấp theo khoản 3, điều 47, Nghị định số 58/2017/NĐ-CP.



Kinh tuyến trục 108 độ, mũi chiều 3 độ

|                                                         |
|---------------------------------------------------------|
| Vị trí độ sâu khu nước trước bến cảng Thị Nại           |
| Kèm theo TBHH số: 171/TBHH-TCTBDATHMN                   |
| Số đồ mang tính chất minh họa, không phục vụ hàng hải   |
| Trích từ bình đồ độ sâu ký hiệu CTN_2007, tỷ lệ 1/1.000 |